

Thủ tục xét lại quyết định được tiến hành như thủ tục xét đơn yêu cầu quy định tại Điều 15 của Pháp lệnh này.

3. Hội đồng có quyền giữ nguyên, sửa một phần hoặc toàn bộ quyết định của Tòa án Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tạm đình chỉ, đình chỉ việc xét kháng cáo, kháng nghị trong trường hợp đương sự rút kháng cáo, Viện Kiểm sát rút kháng nghị hoặc có căn cứ quy định tại các điểm a, b và c Khoản 1 Điều 14 của Pháp lệnh này.

Quyết định của Tòa án Nhân dân tối cao là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành.

**Điều 20.- Thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài.**

1. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài có hiệu lực pháp luật, Tòa án gửi bản sao quyết định đó và bản sao quyết định của Trọng tài nước ngoài cho cơ quan thi hành án theo quy định của pháp luật Việt Nam về thi hành án dân sự.

2. Việc thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài phải tuân theo các quy định của pháp luật Việt Nam về thi hành án dân sự.

3. Trong trường hợp nhận được thông báo bằng văn bản của Bộ Tư pháp về việc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đang xem xét việc hủy bỏ hoặc đình chỉ thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài đã có quyết định thi hành tại Việt Nam, thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài và gửi bản sao quyết định đó cho Tòa án đã ra quyết định công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài.

Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có thể áp dụng biện pháp bảo đảm cần thiết cho việc tiếp tục thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài, nếu có yêu cầu của tổ chức, cá nhân được thi hành.

4. Ngay sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Bộ Tư pháp về việc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đã hủy bỏ hoặc đình chỉ thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài, Tòa án đã ra quyết định công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài ra quyết định hủy bỏ quyết định đó và gửi bản sao quyết định này cho cơ quan thi hành án.

Ngay sau khi nhận được quyết định của Tòa án, thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định đình chỉ việc thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài.

### Chương III

## ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

**Điều 21.- Áp dụng điều ước quốc tế.**

Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác với quy định của Pháp lệnh này, thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế.

**Điều 22.- Tòa án không xem xét việc công nhận và cho thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài.**

Trong trường hợp quyết định của Trọng tài Việt Nam hoặc đơn yêu cầu của các tổ chức, cá nhân Việt Nam về việc công nhận và cho thi hành tại nước ngoài quyết định của Trọng tài không được cơ quan có thẩm quyền của nước đó xem xét vì lý do phân biệt đối xử, thì Tòa án Việt Nam được quyền áp dụng các biện pháp hạn chế tương ứng đối với việc xem xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài của nước đó hoặc đơn yêu cầu về vấn đề này của tổ chức, cá nhân của nước đó.

**Điều 23.- Hiệu lực của Pháp lệnh.**

Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1996.

**Điều 24.- Điều khoản thi hành.**

Chính phủ, Tòa án Nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, trong phạm vi chức năng của mình, quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh này.

T.M. Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Chủ tịch

**NÔNG ĐỨC MẠNH**

## CHÍNH PHỦ

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 54-CP  
ngày 7-8-1995 ban hành Điều lệ  
Phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ  
Quân đội nhân dân Việt Nam.**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;



Căn cứ Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 20 tháng 12 năm 1981 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Nghĩa vụ quân sự tháng 12 năm 1990 và tháng 6 năm 1994;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

### NGHỊ ĐỊNH:

**Điều 1.-** Ban hành kèm theo Nghị định này Điều lệ Phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam.

**Điều 2.-** Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký, các quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

**Điều 3.-** Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thi hành Nghị định này.

**Điều 4.-** Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIẾT

## ĐIỀU LỆ Phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam

(ban hành kèm theo Nghị định số 54-CP ngày 7-8-1995 của Chính phủ).

### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1.-

1. Hạ sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam là quân nhân có quân hàm Thượng sĩ, Trung sĩ, Hạ sĩ;

2. Binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam là quân nhân có quân hàm binh nhất, binh nhì.

##### Điều 2.-

1. Hạ sĩ quan và binh sĩ Quân đội nhân dân được chia thành hai ngạch: hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị.

2. Hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị có 2 hạng:

a) Hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị hạng 1 gồm:

- Hạ sĩ quan và binh sĩ phục vụ tại ngũ đủ thời hạn hoặc trên thời hạn quy định.

- Hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ trước thời hạn nhưng đã phục vụ tại ngũ đủ 1 năm trở lên.

- Hạ sĩ quan, binh sĩ đã trải qua chiến đấu.

- Quân nhân nam giới thuộc loại dự bị hạng hai nếu đã qua huấn luyện thời gian tập trung đủ 12 tháng thì được chuyển lên quân nhân dự bị hạng 1.

b) Hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị hạng 2 gồm:

- Hạ sĩ quan, binh sĩ đã phục vụ tại ngũ dưới 1 năm.

- Công dân nam giới từ 28 tuổi trở lên mà chưa phục vụ tại ngũ, trừ những đối tượng trong diện tạm hoãn và miễn gọi nhập ngũ theo Điều 29 Luật Nghĩa vụ quân sự.

- Phụ nữ đã đăng ký nghĩa vụ quân sự theo Điều 4 Luật Nghĩa vụ quân sự.

3. Hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị là nam giới ở mỗi hạng được chia thành 2 nhóm:

- Nhóm A: Gồm những người từ 18 đến hết 35 tuổi.

- Nhóm B: Gồm những người từ 36 đến hết 45 tuổi.

##### Điều 3.-

a) Thời hạn phục vụ tại ngũ trong thời bình của hạ sĩ quan, binh sĩ thực hiện theo Điều 14, 15 Luật Nghĩa vụ quân sự - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định vị trí, chức danh trong biểu biên chế Quân đội nhân dân Việt Nam và quy định cụ thể diện phục vụ 2 năm và 3 năm.

b) Hạ sĩ quan, binh sĩ có nghĩa vụ và quyền lợi theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự và các văn bản quy định hiện hành của Chính phủ.

**Điều 4.-** Những người sau đây được chọn để bổ sung vào đội ngũ hạ sĩ quan tại ngũ:

- Quân nhân tốt nghiệp ở các trường đào tạo hạ sĩ quan.

- Những binh sĩ có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, học tập, công tác có đủ điều kiện được xét phong quân hàm hạ sĩ quan theo yêu cầu của Quân đội.

1965/16



- Những sinh viên trường đại học, cao đẳng, học sinh các trường trung học chuyên nghiệp, trường dạy nghề, những người có chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ, đã qua huấn luyện quân sự hết chương trình hạ sĩ quan được điều động vào Quân đội và có đủ điều kiện đảm nhiệm chức vụ của hạ sĩ quan.

- Hạ sĩ quan dự bị và những người có chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ ở các ngành ngoài Quân đội được động viên có đủ điều kiện đảm nhiệm chức vụ của hạ sĩ quan.

**Điều 5.-** Các đơn vị Quân đội, các cơ quan Nhà nước và các địa phương trong phạm vi chức năng của mình có trách nhiệm bảo đảm quyền lợi cho hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ, khi xuất ngũ và trong thời gian phục vụ ở ngạch dự bị.

## Chương II

### QUÂN HÀM VÀ CHỨC VỤ CỦA HẠ SĨ QUAN, BINH SĨ

**Điều 6.-** Quân hàm và chức vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ.

1. Binh nhất, binh nhì: Chiến sĩ.
2. Hạ sĩ, binh nhất: Phó Tiểu đội trưởng.
3. Trung sĩ, hạ sĩ: Tiểu đội trưởng.
4. Thượng sĩ, trung sĩ: Phó Trung đội trưởng, Tiểu đội trưởng.

**Điều 7.-** Việc phong, thăng, giáng và tước cấp bậc quân hàm, bổ nhiệm chức vụ, giáng chức, cách chức của hạ sĩ quan, binh sĩ do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

**Điều 8.-** Trường hợp quân nhân vi phạm kỷ luật ảnh hưởng tới việc hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị, trong khi chờ quyết định hình thức kỷ luật, sĩ quan giữ chức từ Trung đoàn trưởng và tương đương trở lên được quyền đình chỉ chức vụ đối với hạ sĩ quan thuộc quyền không quá 30 ngày và tạm thời chỉ định người thay thế, nhưng phải báo cáo lên cấp trên có thẩm quyền xét và quyết định.

## Chương III

### NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA HẠ SĨ QUAN, BINH SĨ

**Điều 9.-** Hạ sĩ quan, binh sĩ có nghĩa vụ và quyền lợi của công dân quy định trong Hiến pháp

của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các nghĩa vụ, quyền lợi khác quy định trong các luật, pháp lệnh, chính sách của Nhà nước và các điều lệnh, chế độ của Quân đội.

**Điều 10.-** Hạ sĩ quan, binh sĩ hết hạn phục vụ tại ngũ được xuất ngũ, phải đăng ký và phục vụ trong ngạch dự bị tại địa phương nơi cư trú.

**Điều 11.-** Hạ sĩ quan có cấp bậc quân hàm cao hơn là cấp trên của hạ sĩ quan có cấp bậc quân hàm thấp hơn. Trong trường hợp một hạ sĩ quan giữ chức vụ phụ thuộc vào một hạ sĩ quan khác có cấp bậc quân hàm ngang hoặc thấp hơn thì người giữ chức vụ phụ thuộc là cấp dưới.

**Điều 12.-** Hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ hoặc dự bị vi phạm pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy tố trước pháp luật.

Đối với những người bị phạt tù, căn cứ vào thái độ sửa chữa và kết quả cải tạo, sau khi hết hạn tù, nếu không bị tước danh hiệu quân nhân có thể được xem xét cho tiếp tục làm nghĩa vụ quân sự nếu chưa hết thời hạn phục vụ, hoặc trở lại đơn vị để giải quyết chính sách.

(Thời gian ở tù không được tính là thời gian công tác).

**Điều 13.-** Hạ sĩ quan, binh sĩ có thành tích trong chiến đấu, công tác được xét tặng thưởng huân chương, huy chương và danh hiệu vinh dự Nhà nước hoặc các hình thức khen thưởng khác.

**Điều 14.-** Hạ sĩ quan, binh sĩ thuộc các quân chủng, binh chủng khác nhau phải đeo cấp hiệu, phù hiệu và mang trang phục theo đúng cấp bậc, phù hiệu thuộc quân, binh chủng mình.

**Điều 15.-** Hạ sĩ quan, binh sĩ có đủ điều kiện, tự nguyện thì sẽ được tuyển vào học ở các trường đào tạo của Quân đội, sau khi tốt nghiệp được bố trí công tác phù hợp với nghề nghiệp được đào tạo.

Trong thời chiến, những hạ sĩ quan, binh sĩ chiến đấu dũng cảm, lập được chiến công hoặc có thành tích xuất sắc trong công tác và có đủ điều kiện có thể được giao phụ trách chức vụ sĩ quan và được xét phong quân hàm sĩ quan, hoặc đi đào tạo sĩ quan, hoặc được Quân đội gửi đi đào tạo tại các trường Nhà nước.

**Điều 16.-** Hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ được hưởng các chế độ theo Luật Nghĩa vụ quân sự và các Luật sửa đổi, bổ sung mọi số Điều của Luật Nghĩa vụ quân sự tháng 12 năm 1990 và tháng 6 năm 1994 và các Nghị định của Chính phủ, cụ thể như sau:



1. Được đảm bảo cung cấp kịp thời, đủ số lượng, đúng chất lượng về lương thực, thực phẩm, quần trang, thuốc phòng bệnh, chữa bệnh, được đảm bảo chỗ ở, phụ cấp hàng tháng và nhu cầu về văn hóa, tinh thần phù hợp với tính chất, nhiệm vụ của Quân đội theo chế độ, tiêu chuẩn, định lượng theo quy định riêng của Chính phủ.

2. Từ năm thứ hai trở đi được đi phép.

3. Từ tháng thứ 25 đến tháng thứ 36 hàng tháng được hưởng thêm một khoản phụ cấp bằng 200% tính trên mức phụ cấp quân hàm cơ bản của mỗi cấp.

Từ tháng thứ 37 trở đi ngoài khoản phụ cấp nói trên, hàng tháng được hưởng thêm khoản phụ cấp bằng 50% tính trên mức phụ cấp quân hàm cơ bản của mỗi cấp.

4. Được tính nhân khẩu trong gia đình, khi gia đình được cấp hoặc điều chỉnh diện tích nhà ở, đất xây dựng nhà ở và đất canh tác.

5. Được tính thời gian phục vụ tại ngũ vào thời gian công tác.

6. Được ưu tiên mua vé đi lại bằng các phương tiện giao thông thuộc các thành phần kinh tế.

7. Được ưu đãi về bưu phí theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 17.-** Hạ sĩ quan, binh sĩ khi xuất ngũ được cấp tiền tàu xe, phụ cấp di dương.

- Trợ cấp xuất ngũ: Lấy số năm phục vụ tại ngũ nhân với 2 tháng tiền lương tối thiểu.

- Trợ cấp tạo việc làm bằng 3 tháng tiền lương tối thiểu.

**Điều 18.-** Hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ thời hạn 3 năm, khi xuất ngũ được trợ cấp thêm một khoản tiền bằng 2 tháng phụ cấp quân hàm cơ bản của mỗi cấp.

**Điều 19.-** Hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ kể từ khi đăng ký vào ngạch dự bị thì được miễn làm nghĩa vụ lao động công ích.

- Thời gian binh sĩ dự bị hạng 2 khi tập trung huấn luyện và kiểm tra sẵn sàng chiến đấu được trừ vào thời gian làm nghĩa vụ lao động công ích hàng năm.

**Điều 20.-** Quân nhân dự bị hạng một trong thời gian tập trung huấn luyện, kiểm tra tình trạng sẵn sàng chiến đấu, gia đình được trợ cấp như sau:

a) Quân nhân dự bị hạng một không hưởng tiền lương, tiền công thì gia đình được trợ cấp mỗi ngày bằng hệ số 0,1 so với lương tối thiểu.

b) Quân nhân dự bị hạng một đang hưởng tiền lương, tiền công do cơ quan Nhà nước, tổ chức xã

hội, tổ chức Anna Lê trả thì gia đình được trợ cấp mỗi ngày bằng hệ số 0,05 so với lương tối thiểu.

- Khoản tiền trợ cấp cho gia đình quân nhân dự bị hạng một trong thời gian tập trung huấn luyện, kiểm tra tình trạng sẵn sàng chiến đấu nói trên được lấy từ kinh phí quốc phòng trong ngân sách địa phương quy định tại điểm B phần II Thông tư số 2411-QP/TC ngày 27-12-1994 của liên Bộ Quốc phòng - Tài chính.

- Đơn vị trực tiếp quản lý huấn luyện, kiểm tra tình trạng sẵn sàng chiến đấu đối với quân nhân dự bị hạng một có kế hoạch về kinh phí với cơ quan Tài chính địa phương nơi quân nhân dự bị cư trú để chi trả trực tiếp một lần cho quân nhân dự bị trong ngày cuối cùng của đợt tập trung huấn luyện, kiểm tra tình trạng sẵn sàng chiến đấu.

#### **Điều 21.-**

1. Hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, đủ thời hạn hoặc trên hạn định khi xuất ngũ về địa phương được cơ quan quản lý lao động, các cơ sở đào tạo dạy nghề, ưu tiên trong tuyển sinh, tuyển dụng hoặc sắp xếp và giới thiệu việc làm.

2. Hạ sĩ quan, binh sĩ trước lúc nhập ngũ làm việc ở cơ quan, cơ sở kinh tế nào thì khi xuất ngũ cơ quan, cơ sở kinh tế đó có trách nhiệm tiếp nhận lại, nếu cơ quan, cơ sở đã giải thể, bị đóng cửa hoặc phá sản, thì cơ quan cấp trên trực tiếp có trách nhiệm giải quyết việc làm.

Trường hợp cơ quan cấp trên cũng đã giải thể hoặc không có cơ quan cấp trên trực tiếp, thì cơ quan lao động thương binh xã hội cấp tỉnh có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các cơ quan Nhà nước khác, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội để giải quyết việc làm thực hiện chế độ, chính sách cho hạ sĩ quan, binh sĩ nói trên theo quy định của pháp luật về lao động và các lĩnh vực khác có liên quan.

3. Hạ sĩ quan, binh sĩ nhập ngũ ngay sau khi tốt nghiệp các trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng hoặc đại học (sau đây gọi chung là các trường đào tạo) thì khi xuất ngũ được cơ quan lao động, các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế ưu tiên xét sắp xếp việc làm và được miễn chế độ tập sự.

4. Hạ sĩ quan, binh sĩ trước lúc nhập ngũ có giấy gọi vào học ở các trường đào tạo thì kết quả thi được bảo lưu, khi xuất ngũ được vào học ở các trường đó.

**Điều 22.-** Hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ và dự bị nếu bị thương, bị bệnh, hoặc chết trong khi làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc hoặc thực hiện nhiệm vụ quân sự thì bản thân và gia đình được hưởng chế độ ưu đãi theo chính sách hiện hành của Nhà nước.



**Điều 23.-** Quyền lợi của gia đình hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ:

1. Bố hoặc vợ được tạm miễn tham gia lao động công ích trong những trường hợp gia đình thực sự khó khăn và được Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn chứng nhận.

2. Bố, mẹ, vợ và con được miễn viện phí khi đi khám bệnh và chữa bệnh tại các bệnh viện của Nhà nước và được ưu tiên xét trợ cấp khó khăn đột xuất theo chính sách chung của Nhà nước.

3. Con gửi ở nhà trẻ, học tại các trường mẫu giáo, trường phổ thông của Nhà nước được miễn học phí và tiền đóng góp xây dựng trường.

#### Chương IV

### HẠ SĨ QUAN, BINH SĨ XUẤT NGŨ PHỤC VỤ Ở NGÁCH DỰ BỊ, GIẢI NGÁCH DỰ BỊ

**Điều 24.-** Hạ sĩ quan, binh sĩ có một trong những trường hợp sau đây được xuất ngũ chuyển sang ngạch dự bị:

- Đã hết thời hạn phục vụ tại ngũ.
- Không đủ điều kiện sức khỏe hoặc thiếu những điều cần thiết khác theo quy định của Bộ Quốc phòng để tiếp tục phục vụ tại ngũ.
- Quân đội chấn chỉnh tổ chức, biên chế.

**Điều 25.-** Việc cho xuất ngũ chuyển sang ngạch dự bị đối với hạ sĩ quan, binh sĩ thuộc quyền do Thủ trưởng trung đoàn và tương đương trở lên quyết định. Trường hợp cho xuất ngũ trước thời hạn đối với hạ sĩ quan thì do Thủ trưởng sư đoàn và tương đương trở lên quyết định.

**Điều 26.-** Hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ chuyển sang ngạch dự bị vẫn được giữ cấp bậc quân hàm cũ.

**Điều 27.-** Hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị phải chấp hành các chế độ đăng ký nghĩa vụ quân sự, tham gia huấn luyện quân sự và kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

**Điều 28.-** Hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị đã được sắp xếp vào các đơn vị dự bị động viên qua thời gian tập trung huấn luyện, nếu được bổ nhiệm vào một chức vụ mà thực hiện tốt thì được xét phong, thăng quân hàm tương ứng với chức vụ đảm nhiệm theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

**Điều 29.-** Trong thời gian tập trung huấn luyện, kiểm tra tình trạng sẵn sàng chiến đấu hạ sĩ quan,

binh sĩ dự bị phải tuân thủ kỷ luật Quân đội, những người có thành tích thì được xét khen thưởng, những người vi phạm kỷ luật thì bị xử lý theo Điều lệnh kỷ luật của Quân đội. Trường hợp phạm pháp luật phải truy cứu trách nhiệm hình sự.

**Điều 30.-** Hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị đã phục vụ đến hết hạn tuổi dự bị, hoặc bị bệnh, bị thương không đủ sức khỏe phục vụ thì được giải ngạch dự bị. Chỉ huy trưởng quân sự địa phương cấp huyện, quận ra quyết định giải ngạch cho hạ sĩ quan, binh sĩ thuộc quyền.

#### Chương V

### ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

**Điều 31.-** Điều lệ này có hiệu lực từ ngày ký.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện Điều lệ này.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIẾT

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 56-CP ngày 18-9-1995 ban hành Quy chế Cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuê nhà tại Việt Nam.**

#### CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Để tăng cường công tác quản lý của Nhà nước đối với việc cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuê nhà tại Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,*

#### NGHỊ ĐỊNH:

**Điều 1.-** Ban hành kèm theo Nghị định này bản Quy chế Cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuê nhà tại Việt Nam.